

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án:
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000
tấn/năm” do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam làm Chủ đầu tư
tại lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico,
xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm” họp ngày 11/5/2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2109 ngày 20/9/2021 của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 66/TTr-BQL ngày 29/9/2021.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- UBND xã Đồng Nơ;
- Công ty CP CN Minh Hưng – Sikico;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

10/ CH. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN,
CÔNG SUẤT 480.000 TẤN/NĂM” DO CÔNG TY TNHH JAPFA
COMFEED VIỆT NAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ B7-1, B7-2, B7-3,
KCN MINH HƯNG - SIKICO, XÃ ĐỒNG NƠ,
HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 2532.../QĐ-UBND ngày 01..10..2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm” được thực hiện trên diện tích 103.381,8 m² tại lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Xưởng sản xuất, nhà nguyên liệu, nhà thành phẩm, nhà nạp liệu, silo, nhà văn phòng, nhà lò hơi, nhà thí nghiệm mẫu...

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 05 ngăn, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống lọc bụi túi vải, kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại...

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

1.5.1. Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi:

Nguyên liệu → Hệ thống nhập → Sàng → Cân định lượng → Nghiền → Phôi trộn → Bán thành phẩm dạng bột (1).

Bán thành phẩm dạng bột (1) → Đóng gói → Thức ăn chăn nuôi (dạng bột).

Bán thành phẩm dạng bột (1) → Hệ thống ép → Làm nguội → Bẻ mảnh → Sàng → Đóng gói → Thức ăn chăn nuôi (dạng viên).

1.5.2. Quy trình sản xuất thức ăn thủy sản:

Nguyên liệu → Hệ thống nhập → Sàng → Cân định lượng → Nghiền → Phôi trộn → Ép đùn → Sấy chân không → Áo dầu → Làm nguội → Sàng → Đóng gói → Thức ăn thủy sản (dạng viên).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị:* Bụi từ quá trình san nền, đào hố móng xây dựng; bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi và khí thải từ quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 4,5 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ...

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 03 m³/ngày, chủ yếu chứa bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 30,15 m³/ngày, bao gồm nước thải từ nhà ăn và nước thải vệ sinh có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, dầu mỡ, vi sinh vật...

- *Nước thải sản xuất:* Phát sinh khoảng 48,31 m³/ngày bao gồm nước xả cặn lò hơi, nước thải từ phòng thí nghiệm và nước thải sát trùng xe. Nước thải sản xuất chứa các chất ô nhiễm như: cặn lơ lửng, chất hữu cơ, hóa chất khử trùng...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi từ quá trình san nền, đào hố móng xây dựng:* Bụi thô, có kích thước lớn.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải từ hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC.

- *Khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và hơi kim loại.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy:* Thành phần khí thải gồm bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:* Quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, bụi, khí thải (mùi) phát sinh hầu hết ở các công đoạn sản xuất, đặc biệt là tại các công đoạn sản xuất hờ như nấp liệu, đổ vào bao, đóng gói. Tuy nhiên do

quy trình sản xuất hiện đại, khép kín nên bụi, khí thải chủ yếu phát sinh trong nhà xưởng, không phát tán ra xung quanh môi trường.

- *Bụi, mùi hôi tại khu vực chứa nguyên liệu sản xuất và khu vực lưu chứa thành phẩm:* Nguyên liệu đầu vào và thành phẩm chủ yếu là các thành phần chứa hàm lượng protein cao như bột gạo, bột bắp, bột thịt xương... thường có mùi đặc trưng. Tuy nhiên do quy trình sản xuất hiện đại, khép kín nên bụi, mùi phát sinh không cao, chủ yếu phát sinh trong nhà kho, trong phạm vi Dự án, không phát tán ra xung quanh môi trường.

- *Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của lò hơi:* Nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu biomass (củi, trấu viên nén, mùn cưa...), thành phần chất ô nhiễm chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO₂, CO. Nếu nguồn thải này không được xử lý sẽ gây tác động đến môi trường không khí không chỉ trong phạm vi khu vực Dự án mà còn ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Phát sinh khoảng 0,83 tấn/ngày, chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh 90 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 70% – 80% chất hữu cơ và 20% – 30% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Khối lượng phát sinh khoảng 5,7 tấn/ngày gồm thùng carton, bao bì thải, nguyên liệu hư hỏng, tro, bụi, mẫu phân tích và khoảng 03 tấn/tháng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp kết quả phân tích bùn dưới ngưỡng quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước).

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 243 kg/ngày gồm chất hữu cơ, giấy, ni lông, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hoặc kim loại...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 31 kg/tháng chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, bao bì thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 75 kg/năm gồm giẻ lau thải có chứa các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì cứng thải bằng nhựa; hộp mực in thải và khoảng 03 tấn/tháng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp kết quả phân tích bùn thải vượt ngưỡng quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước) ...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Lắp đặt 03 nhà vệ sinh di động; ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Bố trí hệ thống mương thu gom nước thải xây dựng tạm thời xung quanh khu vực xây dựng, san lấp các mương thoát nước tạm thời sau khi xây dựng xong; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn, tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công...

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải:*

+ Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để xử lý nước thải từ nhà vệ sinh. Đầu tư, lắp đặt bể tách dầu để xử lý nước thải từ nhà ăn và bể tách cặn – dầu mỡ, cụm bể trung hòa – keo tụ – tạo bông, bể lắng, bể chứa bùn để xử lý nước thải rửa và khử trùng xe.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải từ nhà ăn) và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng thí nghiệm, nước xả cặn lò hơi, nước rửa và khử trùng xe) với quy trình xử lý như sau:

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn; nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ; nước thải xả đáy lò hơi; nước thải phòng thí nghiệm; nước thải rửa và khử trùng xe sau khi qua bể tách cặn - dầu mỡ, cụm bể trung hòa - keo tụ - tạo bông và bể lắng → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (anoxic) → Bể hiếu khí (aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Minh Hưng - Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào hố móng:* Có kế hoạch nhập nguyên vật liệu xây dựng hợp lý, hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm, tránh tồn đọng làm phát tán bụi theo gió, trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:* Che chắn công trường xây dựng, có kế hoạch

thi công thích hợp, các thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, được bảo dưỡng thường xuyên, tưới nước ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Trang bị bảo hộ lao động gồm mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân thực hiện các hoạt động cơ khí tại công trình, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên Dự án; bố trí bãi đậu xe hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do không khí tại khu vực sản xuất:*

+ Trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín. Tại công đoạn hờ như khu vực nạp liệu, đóng bao bố trí chụp hút, thiết bị thu hồi bụi, bụi được thu gom và tái sử dụng.

Thiết bị thu hồi bụi được lắp đặt đồng bộ theo dây chuyền sản xuất có quy trình công nghệ xử lý như sau: Bụi phát sinh tại khu vực nạp liệu, sàng, nghiền, đóng bao → Đường ống hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Miệng thoát khí trong khu vực Dự án, bụi thu hồi được thu gom tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất..

+ Thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng. Kiểm soát, quản lý chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi tầng sôi, công suất 10 tấn/giờ:* Kiểm soát, đảm bảo quá trình cháy hoàn toàn và lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi với quy trình công nghệ xử lý như sau: Bụi, khí thải lò hơi → Khử bụi thô (cyclone tổ hợp) → Khử bụi tinh (lọc bụi túi vải) → Quạt hút → Ống thải (chiều cao 26 m, đường kính 0,96 m).

Khí thải lò hơi sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, mùi hôi từ hoạt động nhập, lưu trữ nguyên liệu, sản phẩm:* Các nguyên liệu được lưu chứa trong bao bì kín bằng ni lông 02 lớp. Nhà kho, nhà xưởng chứa nguyên liệu được xây dựng cao, thông thoáng. Nguyên liệu, sản phẩm được đóng bao và lưu chứa trong kho trên các pallet cách mặt đất 10 cm, cách tường 0,5 m để tránh tình trạng ẩm mốc làm phát

sinh mùi hôi. Hệ thống bồn chứa nguyên liệu được thiết kế với kết cấu kín, tiết diện và sức chứa nguyên liệu lớn, dễ dàng kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm nguyên liệu hạn chế sự phá hoại của mối, mọt, chuột... và hạn chế phát sinh bụi, mùi hôi.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$). Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, lưu giữ trong kho chứa tạm thời diện tích 24 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy, lưu chứa tạm thời trong kho chứa diện tích 12 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Trang bị thùng rác các loại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các thùng chứa, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 150 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày

13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời tại khu vực xây dựng với diện tích 12 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 52,42 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rốn để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, biển cảnh báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường, không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện

hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trên nền nhà xưởng trong quá trình lắp đặt, kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, trang bị nút chống ồn cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, trang bị hệ thống điều hoà, làm mát không khí, trồng cây xanh trong khu vực nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn (06 bể, tổng thể tích 102 m³).
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải lò hơi tầng sôi 10 tấn/giờ (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ).
- Công trình, hệ thống xử lý lọc bụi túi vải (số lượng: 02 hệ thống và 48 túi vải; công suất thiết kế: 4.800 m³/giờ/hệ thống).
- Kho lưu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 150 m².
- Kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 52,42 m².
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt thời gian xây dựng.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, cách thức phân loại, lưu trữ.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT, ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực nguyên liệu, 01 vị trí tại khu vực thành phẩm, 01 vị trí tại khu vực sản xuất.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt quá trình vận hành thử nghiệm.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày

10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu ra ống khói thoát khí thải lò hơi.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi, CO, SO₂, NO_x.
- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$).

5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*
 - + 01 vị trí đầu vào từ khu rửa, khử trùng xe (tại bể tách cặn và dầu mỡ): pH, COD, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.
 - + 01 vị trí sau cụm xử lý hóa lý (tại bể lắng hóa lý): COD, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.
 - + 01 vị trí tại bể điều hòa: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho.
 - + 01 vị trí sau cụm xử lý sinh học (tại bể lắng sinh học): BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho.
 - + 01 vị trí tại hố ga sau bể khử trùng trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng-Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT, ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực nguyên liệu, 01 vị trí tại khu vực thành phẩm, 01 vị trí tại khu vực sản xuất.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu ra sau hệ thống khí thải lò hơi.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi, CO, SO₂, NO_x.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$).

5.3.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hố ga đầu vào hệ thống xử lý nước thải; 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT, ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3.5. Giám sát bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại bể chứa bùn từ hệ thống xử lý nước thải.
- *Thông số giám sát:* Asen, bari, cadimi, bạc, chì, coban, kẽm, niken, selen, thủy ngân, tổng dầu.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.